

TÒA ÁN NHÂN DÂN  
QUẬN Ô MÔN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 09/2024/HNGĐ-ST  
Ngày: 20 - 02 - 2024  
Về việc “Tranh chấp ly hôn và  
nuôi con”

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Bùi Trần Thanh Thế.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

- Ông Hồ Minh Khương.
- Bà Ngô Thị Út Hậu.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 20 tháng 02 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 322/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 11 năm 2023 về việc “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 01 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Huỳnh Thị Cẩm L**, sinh năm 1985. (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Đ, xã H, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Bị đơn: Anh **Nguyễn Bảnh L1**, sinh năm 1986. (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu vực H, phường Tr, quận M, thành phố Cần Thơ.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**\* Theo đơn khởi kiện ngày 18/10/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm L trình bày:**

Vào năm 2010, sau một thời gian tìm hiểu, chị và anh Nguyễn Bảnh L1 đã tự nguyện tiến tới hôn nhân, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc theo quy định. Quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Phương D (nữ, sinh ngày 06/5/2011) và cháu Nguyễn Phương Thảo Q (nữ, sinh ngày 10/12/2014). Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung nên thường hay cãi nhau, chị có cố gắng hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng không có kết quả, đến năm 2020 anh L1 bỏ nhà đi nên vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay. Chị có yêu cầu Tòa án tuyên bố anh L1 mất tích và đã được

giải quyết bằng Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-DS ngày 27/9/2023. Do không thể tiếp tục chung sống với nhau nên chị yêu cầu ly hôn với anh L1.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Phương D (nữ, sinh ngày 06/5/2011) và Nguyễn Phương Thảo Q (nữ, sinh ngày 10/12/2014). Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu Q đến trưởng thành, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, anh L1 nhiều lần vắng mặt không có lý do nên vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được và được đưa ra xét xử công khai.

*Tại phiên tòa,*

- Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với anh L1, yêu cầu được nuôi dưỡng 02 con chung đến trưởng thành, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu xem xét giải quyết, nếu có phát sinh tranh chấp thì sẽ giải quyết sau.

- Bị đơn anh Nguyễn Bảnh L1 vắng mặt không có lý do.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh L1 tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1] Về quan hệ pháp luật:** Chị Huỳnh Thị Cẩm L và anh Nguyễn Bảnh L1 tự nguyện tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn nên xác định đây là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và điều chỉnh. Quá trình chung sống, có phát sinh mâu thuẫn, chị L khởi kiện ly hôn và yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng con chưa thành niên nên quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp ly hôn và nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[2] Về thủ tục tố tụng:** Bị đơn anh Nguyễn Bảnh L1 vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai mà không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

**[3] Xét quan hệ hôn nhân:** Chị L và anh L1 là vợ chồng, có đăng ký kết hôn vào ngày 26/4/2010 tại Ủy ban nhân dân phường Trường Lạc. Chị L cho rằng vợ chồng chung sống có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, thường hay cãi vã nhau dẫn đến hôn nhân không hạnh phúc. Mâu thuẫn ngày càng nghiêm trọng và không giải quyết được, anh L1 đã bỏ đi từ năm 2020 đến nay không có tin tức gì, vợ chồng cũng đã sống ly thân từ đó đến nay nên chị yêu cầu được ly hôn với anh L1.

Tại Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 11/2023/QĐST-DS ngày 27/9/2023 của Tòa án nhân dân quận Ô Môn đã tuyên bố anh L1 mất tích. Ngoài ra, theo Đơn xin xác nhận nơi cư trú của đương sự ngày 03/10/2023, Công an phường Trường Lạc xác nhận anh L1 đã vắng mặt tại địa phương từ năm 2020 đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục niêm yết các thông báo cho anh L1 đúng trình tự luật định để tham gia tố tụng tại tòa nhưng phía anh L1 nhiều lần vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa, chị L xác định vợ chồng không thể tiếp tục chung sống với nhau và vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Điều này cho thấy mâu thuẫn giữa các đương sự đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị L đối với anh L1 là có cơ sở chấp nhận.

**[4] Về con chung:** Trong thời gian chung sống, chị L và anh L1 có 02 con chung là cháu Nguyễn Hồng Phương D (nữ, sinh ngày 06/5/2011) và cháu Nguyễn Phương Thảo Q (nữ, sinh ngày 10/12/2014). chị L yêu cầu được nuôi dưỡng cháu D và cháu Q đến trưởng thành, không yêu cầu anh L1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét thấy, từ trước đến nay, chị L là người chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D và cháu Q; đồng thời, cháu Q và cháu D cùng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với mẹ. Do đó, nhằm tránh làm xáo trộn cuộc sống cũng như phù hợp với nguyện vọng của trẻ, Hội đồng xét xử thiết nghĩ cần giao cháu D và cháu Q cho chị L nuôi dưỡng đến trưởng thành là phù hợp.

anh L1 được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung; không ai được ngăn cản anh L1 thực hiện quyền này.

Về việc cấp dưỡng nuôi con, do chị L không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không đặt ra xem xét giải quyết.

**[5] Về tài sản chung và nợ chung:** chị L cho rằng quá trình chung sống chị và anh L1 không có tài sản chung và nợ chung. Tuy nhiên, do anh L1 vắng mặt nên chưa xác định được phần tài sản chung và nợ chung. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết tài sản chung và nợ chung, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

**[6] Về án phí dân sự sơ thẩm:** chị L phải chịu án phí không có giá ngạch là 300.000 đồng theo quy định tại Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

### QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điều 147; Điều 227; Điều 228; Điều 266; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Huỳnh Thị Cẩm L.

**1/ Về quan hệ hôn nhân:** Chị Huỳnh Thị Cẩm L được ly hôn với anh Nguyễn Bảnh L1.

**2/ Về con chung:** Giao cháu Nguyễn Hồng Phương D (nữ, sinh ngày 06/5/2011) và cháu Nguyễn Phương Thảo Q (nữ, sinh ngày 10/12/2014) cho chị Huỳnh Thị Cẩm L nuôi dưỡng đến trưởng thành, anh Nguyễn Bảnh L1 không cấp dưỡng nuôi con. Đồng thời, cháu D và cháu Q có nguyện vọng được sống chung với chị L.

Anh L1 được quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản anh L1 thực hiện quyền này.

**3/ Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét giải quyết, trường hợp sau này có phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết thành vụ án khác.

- ***Về án phí dân sự sơ thẩm:*** Chị Huỳnh Thị Cẩm L phải nộp số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*). Chuyển số tiền 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) chị L đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004308 ngày 22/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ thành án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND TP. Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q. Ô Môn;
- UBND P. Trường Lạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Bùi Trần Thanh Thế**

**CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN  
- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hồ Minh Khương**

**Ngô Thị Út Hậu**

**Bùi Trần Thanh Thế**